TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/**2018/HS-ST
Ngày 16 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Minh Lý**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gia

2. Ông Nguyễn Văn Hải

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, cán bộ Toà án nhân dân **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Vũ – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 16/4/2018 tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân **huyện P** tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2018/HS-ST ngày 19/3/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 ngày 5/4/2018 đối với bị cáo:

Vũ Văn Q, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987; Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, tthành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12.

- Con ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1968; Con bà Hoàng Thị L, sinh năm 1967

- Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Gia đình có 3 anh, chị em, bị cáo là con thứ nhất.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 16/12/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ và lưu giam Công an **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Trần Xuân L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Trần Thị B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, tổ công tác Công an huyện P đang làm nhiệm vụ tại khu vực xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân cung cấp, tại nhà nghỉ Ánh Dương, thuộc xóm S, xã K, huyện P, đang có một số tượng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an huyện P đến kiểm tra theo nguồn tin báo, phát hiện một nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm về ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu cho kiểm tra hành chính, nhưng nam thanh niên không xuất trình được giấy tờ gì mà tự khai tên là Vũ Văn Q (sinh năm 1987; Trú tại: Thôn M, xã T, thành phố B). Đồng thời, Q tự giác lấy từ trong túi áo khoác ra giao nộp cho 01 gói tinh thể dạng đá màu trắng, được gói bằng giấy nilon màu trắng (Q khai là ma túy dạng đá của Q); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 40.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng theo quy định, đưa Q về trụ sở Công an để điều tra làm rõ.

Hồi 13 giờ cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P đã thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp số: 07 về đồ vật, khu vực nhà ở đối với Vũ Văn Q, kết quả thu giữ 02 túi nilon màu trắng có kích thước lần lượt là 1 x 1cm; 2 x 2cm; 01 bật lửa ga; 01 ống thủy tinh màu trắng có nắp nhựa màu trắng, tại nắp nhựa có gắn 01 ống thủy tinh; 01 vòi nhựa gồm các ống hút màu hồng, trắng nối lại với nhau.

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, tại phòng PC54, Công an tỉnh Thái Nguyên, tiến hành mở niêm phong, cân xác định trọng lượng 01 gói nhỏ nêu trên thu giữ của Vũ Văn Q có tổng trọng lượng là 15,949 gam, lấy hết 15,949 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu A1.

Tại bản kết luận giám định số: 154/KL-PC65 ngày 20/12/2017 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất tinh thể dạng đá màu trắng trong mẫu A1 thu giữ của Vũ Văn Q gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng, khối lượng là: 15,949gam.

Hồi 11 giờ 10 phút ngày 25/12/2017, tại Công an huyện P, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mở niêm phong, kiểm tra điện thoại thu giữ của Vũ Văn Q để xác định các nội dung thông tin bên trong điện thoại thì thấy điện thoại không sử dụng được.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P, Vũ Văn Q khai nhận: Nguồn gốc số ma túy đá nêu trên là vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, do có một người bạn cùng cảnh nghiện ma túy với Q, nghe nói tên là Đại nhà ở Hiệp Hòa, Bắc Giang. Q không biết địa chỉ cụ thể, gọi điện thoại hẹn Q lên nhà nghỉ Ánh Dương, thuộc Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để nhờ Q một việc, Q có hỏi nhờ việc gì thì người này không nói, khi **Q** lên đến chỗ hẹn thì người tên Đại đưa Q lên tầng 2 phòng 203 nhà nghỉ Ánh Dương để ngồi nói chuyện, khoảng 3 phút sau. Đại đút vào túi áo Q 01 gói ma túy dạng đá bảo nhờ Q cầm về ngã tư Hiệp Hòa, Bắc Giang hộ, lúc này Q chưa đồng ý. Nhưng sau đó Q bỏ gói ma túy ra xem rồi lại cất vào trong túi áo khoác bên trái Q đang mặc, rồi cùng Đ đi xuống tầng 01 thì bị tổ công tác Công an huyện P kiểm tra bắt quả tang như đã nêu trên, còn người tên Đ đi đâu Q không rõ.

Lời khai nhận tội nêu trên của Vũ Văn Q phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người làm chứng.

Vật chứng của vụ án là:

01 bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 15,677gam ma túy được hoàn lại sau giám định; 02 túi nilon màu trắng kích thước 1x1cm và 2x2cm; 01 bật lửa ga; 01 ống thủy tinh màu trắng, có nắp nhựa màu trắng; 01 vòi nhựa làm bằng

các ống hút màu hồng và trắng được nối lại với nhau; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 40.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS-PB ngày 19 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố Vũ Văn Q về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố; áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù;

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử lý vật chứng và buộc phải nộp án phí HSST.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng như người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị cáo thừa nhận có cất giữ trong người một gói ma túy. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, cân xác định trọng lượng ma túy, kết luận giám định, phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, một người bạn mới quen của Vũ Văn Q không rõ tên đã gọi Q đến tầng 2 nhà nghỉ Ánh Dương thuộc xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây người bạn này đã nhờ **Q** cầm 01 gói ma túy về

ngã tư Hiệp Hòa, **Q** cất vào túi áo khoác bên trái , khi **Q** đi xuống tầng 1 thì bị bắt giữ.

[3] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 194 BLHS quy định:

"1. Người nào tàng trữ... trái phép...chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Kể từ ngày 1.1.2018 Bộ luật hình sự năm 2018 có hiệu lực pháp luật, hành vi nêu trên của bị cáo phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249 BLHS năm 2015 quy định:

1.Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

…….

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...

g) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

…….

Đối chiếu hai điều luật Điều 194 BLHS năm 1999 và Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thấy rằng: Trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 15,949 gam loại Methamphetamie, so sánh tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì chưa quy định về chất ma túy loại Methamphetamie nên sẽ thuộc trường hợp phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 có mức phạt từ 2 đến 7 năm tù, còn đối với Điều 249 của BLHS năm 2015 thuộc trường hợp định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 có mức hình phạt từ 05 đến 10 năm tù, cao hơn so với hình phạt tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu thực pháp luật nên HĐXX quyết định áp dụng hướng có lợi cho bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 để giải quyết.

[4] Lời khai của người làm chứng có mặt khẳng định diễn biễn lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng như những gì được chứng kiến, người làm chứng không bổ sung gì thêm.

[5] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất gây nghiện; gây mất trật tự trị an ở địa phương. Như chúng ta đã biết ma tuý đang là hiểm hoạ lớn với con người và xã hội, người nghiện ma tuý ảnh hưởng đến sức khoẻ, kinh tế gia đình, làm suy thoái giống nòi, phá vỡ sự phát triển bền vững của xã hội. Ma tuý cũng là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, nhiều gia đình ly tán cũng vì ma tuý, do đó Nhà nước và nhân dân ta cương quyết đấu tranh loại bỏ tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội.

[6] Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát nêu trên là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số ma túy: Theo Q khai nhận cầm hộ một người bạn mới quen không rõ tên. Cơ quan CSĐT Công an huyện P không có căn cứ để mở rộng điều tra vụ án.

[8] Về hình phạt bổ sung*:* Ngoài hình phạt tù, lẽ bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 194 BLHS mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, con còn nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 15,677gam ma túy được hoàn lại sau giám định xét đây là vật chứng phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 túi nilon màu trắng kích thước 1x1cm và 2x2cm; 01 bật lửa ga mầu đỏ; 01 bình thủy tinh màu trắng, có nắp nhựa màu trắng tại nắp nhựa có gắn 01 ống thủy tinh và 01 vòi nhựa làm bằng các ống hút màu hồng và trắng được nối lại với nhau không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia máy màu trắng số imei 34349 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Văn Q; xét là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

- 40.000đ (Bốn mươi nghìn) đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam xét không liên quan đến vụ án trên trả lại cho bị cáo.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999. Xử phạt: bị cáo Vũ Văn Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

Căn cứ Điều 329 BLTTHS năm 2015 quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong kí hiệu A1 bên trong có chứa 15,677 gam ma túy được hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 02 túi nilon màu trắng kích thước 1x1cm và 2x2cm; 01 bật lửa ga mầu đỏ; 01 bình thủy tinh màu trắng, có nắp nhựa màu trắng tại nắp nhựa có gắn 01 ống thủy tinh và 01 vòi nhựa làm bằng các ống hút màu hồng và trắng được nối lại với nhau.

- Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia máy màu trắng số imei 34349 máy cũ đã qua sử dụng của Vũ Văn Q.

- Trả lại cho bị cáo 40.000đ (Bốn mươi nghìn) đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

(Vật chứng và tiền đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên)

2. Án phí HSST: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ–UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý